

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày 11/4/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Toan

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Nguyễn Xuân Chung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện L T gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn- KSV.

Ngày 11/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2017/TLST- HĐVTS ngày 15/9/2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXX - DS ngày 05/01/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S (tức Nguyễn Thị T) sinh năm 1932

Địa chỉ: Khu P1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Do ông Nguyễn Văn C sinh năm 1960

Địa chỉ: C1 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ghi ngày 19/9/2017) (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P sinh năm 1960 (có mặt)

Ông Hoàng Minh Đ sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Khu P1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Lại Xuân C2 sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 407, Phố K, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ghi ngày 24/10/2017) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện hợp đồng vay tài sản ghi ngày 10/8/2017 và các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Do mối quan hệ tình cảm gia đình, mẹ ông là bà Nguyễn Thị S (tức Nguyễn Thị T) có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị P, ông Hoàng Minh Đ vay 3 lần tiền. Lần thứ nhất: ngày 17/05/2014, số tiền cho vay là 100.000.000đ. Lần 2:

ngày 30/05/2014, số tiền là 70.000.000đ. Lần 3: Ngày 20/06/2014, số tiền cho vay là 50.000.000đ. Số tiền bà P vay trên điều ghi và ký nhận vào sổ của mẹ ông. Về thời hạn thanh toán thỏa thuận bằng miệng, khi nào mẹ ông cần số tiền sử dụng trên thì báo trước 1 tháng thì vợ chồng bà P, ông Đ phải thanh toán trả số tiền trên và lãi suất 2 bên thỏa thuận bằng miệng là 1%/tháng. Sau đó vợ chồng bà P có trả cho mẹ ông lãi suất đến hết tháng 12/2014 và cũng trong thời gian đó mẹ ông có cần số tiền gốc để sử dụng, mẹ ông yêu cầu vợ chồng bà P thanh toán trả nhưng vợ chồng bà P không trả và đều khất hứa chờ bán đất được thì sẽ thanh toán trả mẹ ông. Do vợ chồng bà P, ông Đ khất hứa nhiều không trả nên tháng 08/2017 mẹ ông đã có đơn gửi đến UBND thị trấn L đề nghị UBND thị trấn L giải quyết. Tại các biên bản hòa giải ông Đ đã hứa trả bằng đất, bằng tiền nhưng sau vợ chồng bà P, ông Đ vẫn không thực hiện đúng theo biên bản hòa giải ở tại UBND thị trấn L.

Ngày 06/12/2016 mẹ ông đã có đơn gửi cho Tòa án nhân dân huyện L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà P thanh toán trả tổng số tiền gốc là 220.000.000đ và lãi suất từ 01/01/2015. Trong quá trình Tòa án giải quyết đến ngày 25/02/2017 âm lịch vợ chồng bà P có trả cho mẹ ông được 50.000.000đ và sau đó vợ chồng bà P không trả cho mẹ ông được đồng nào nữa. Đến ngày 01/8/2017 Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ án dân sự vì mẹ ông là bà S không ký trong đơn khởi kiện ngày 6/12/2016 theo quy định của BLTTDS. Ngày 08/9/2017 mẹ ông đã có đơn đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đến nay vợ chồng bà P cũng không trả thêm cho mẹ ông được số tiền nào. Nay ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà P phải thanh toán cho mẹ ông tổng số tiền gốc là 220.000.000đ nhưng được trừ vào số tiền 50.000.000đ mà vợ chồng bà P đã trả cho mẹ ông ngày 25/2/2017. Còn lại 170.000.000đ tiền gốc ông yêu cầu vợ chồng ông P phải trả mẹ ông, còn về lãi suất ông không yêu cầu vợ chồng bà P thanh toán trả. Còn việc vợ chồng bà P đã xuất trình cho Tòa án đơn đề nghị ghi ngày 25/02/2017 do mẹ ông ký trong đơn, nội dung trong đơn hủy bỏ giấy vay với lý do chị P đã trả xong số tiền trên và hủy bỏ giấy tạm thời phong tỏa tài sản và xin rút đơn khởi kiện chị P, anh Đ và giấy ủy quyền cho tôi là không đúng sự thật nên ông không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà P, ông Đ.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Hoàng Minh Đ do ông Lại Xuân C2 đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà P có vay 3 lần tiền của bà S cụ thể: Lần 1 ngày 17/05/2014, vay số tiền 100.000.000đ, lần 2 ngày 30/05/2014, số tiền 70.000.000đ, lần 3 ngày 20/06/2014, số tiền 50.000.000đ, tổng 3 lần là 220.000.000đ, bà P có ký nhận nợ với bà S là đúng. Về thời hạn thanh toán thỏa thuận bằng miệng đến khi nào bà S cần sử dụng tiền thì vợ chồng bà P sẽ trả. Còn về mức lãi suất thì hai bên thỏa thuận trả theo từng thời điểm chứ không trả theo mức lãi suất ổn định là bao nhiêu phần trăm. Trong quá trình vay vợ chồng bà P, ông Đ đã trả lãi suất cho bà S đến khi bà S có đơn khởi kiện đến UBND thị trấn L đề nghị giải quyết việc vay mượn trên thì bà S không yêu cầu vợ chồng bà P trả lãi suất nữa. Sau đó bà S tiếp tục có đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện L để giải quyết vụ án. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 25/02/2017 (âm lịch), vợ chồng bà P, ông Đ có gọi bà S đến nhà đã trả cho bà S số tiền gốc 220.000.000đ, về lãi suất bà S không yêu cầu vợ

chồng bà P, ông Đ trả tiếp. Số tiền này vợ chồng bà P, ông Đ trả cho bà S tại nhà bà P, ông Đ. Sau khi bà S nhận số tiền trên, bà S đã ký vào đơn đề nghị, nội dung trong đơn đề nghị ghi rõ: “Hủy bỏ giấy vay của chị Nguyễn Thị P với tổng số tiền là 220.000.000đ với lý do chị P đã trả xong; Hủy bỏ giấy tạm thời phong tỏa tài sản của anh chị Đ, P bằng văn bản; Tôi xin rút đơn khởi kiện chị P, anh Đ ngày 06/12/2016 và giấy ủy quyền cho con trai tôi là Nguyễn Văn C”. Đơn đề nghị này vợ chồng ông Đ đã gửi cho Tòa án và đơn đề nghị do ông Đ đánh máy cho bà S ký. Trong đơn đề nghị do bà S ký còn có người làm chứng là chị Nguyễn Thị Hợi xác nhận. Vì bà S có ký vào đơn đề nghị như vậy nên bà P, ông Đ đã không yêu cầu bà S viết giấy biên nhận trả tiền. Trước khi trả tiền và viết giấy có nội dung như trên, ông Đ đã đến gia đình bà S gặp bà S, giữa bà S và ông Đ đã có sự thỏa thuận như nội dung trong đơn đề nghị ngày 25/02/2017. Nay ông C cho rằng bà P, ông Đ mới thanh toán trả cho bà S được số tiền 50.000.000đ ngày 25/02/2017 (tức ngày 22/03/2017 dương lịch) và yêu cầu bà P, ông Đ thanh toán trả bà S số tiền gốc 220.000.000đ và được trừ vào số tiền 50.000.000đ, còn lại 170.000.000đ tiền gốc yêu cầu vợ chồng bà P, ông Đ phải thanh toán trả bà S, ông không nhất trí.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến, thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án tiến hành tố tụng đúng quy định của BLTTDS, những người T gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vụ án và áp dụng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của KSV, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Thị S do ông Nguyễn Văn C đại diện theo ủy quyền, bà Nguyễn Thị P, ông Hoàng Minh Đ do ông Lại Xuân C2 đại diện theo ủy quyền đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo BLTTDS quy định, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Bà Nguyễn Thị S địa chỉ ở khu P1, thị trấn L, L có cho bà Nguyễn Thị P ở cùng địa chỉ vay 3 lần tiền cụ thể: Lần 1 ngày 17/05/2014 số tiền 100.000.000đ, lần 2 ngày 30/05/2014 số tiền 70.000.000đ, lần 3 ngày 30/06/2014 số tiền 50.000.000đ, tổng là 220.000.000đ, bà P đều trực tiếp ký nhận vào giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận bằng miệng về thời hạn thanh toán, khi nào bà S cần sử dụng số tiền trên thì bà P phải có trách nhiệm thanh toán trả, về lãi suất cũng thỏa thuận 1%/tháng. Sau khi bà S cần sử dụng số tiền gốc trên, yêu cầu vợ chồng bà P, ông Đ thanh toán trả nhưng vợ chồng bà P, ông Đ không trả, bà S có đơn gửi cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết. Trong quá trình Tòa án giải quyết phía ông C đại diện cho bà S cho rằng: Vợ chồng bà P, ông Đ có trả lãi suất cho mẹ ông đến hết năm 2014, cũng thời gian cuối năm 2014 mẹ ông đã yêu cầu vợ chồng bà P, ông Đ trả số tiền gốc 220.000.000đ cho mẹ ông nhưng vợ chồng bà P, ông Đ không trả, mẹ ông đã có đơn gửi đến UBND thị trấn L để giải quyết, vợ chồng bà P, ông Đ cũng hẹn trả bằng đất và tiền, sau đó vợ chồng bà P cũng không trả. Khi

Tòa án giải quyết vụ án ngày 25/02/2017 âm lịch, vợ chồng bà P, ông Đ đã trả cho mẹ ông được 50.000.000đ ở tại gia đình nhà bà P, ông Đ. Sau khi đưa cho mẹ ông được 50.000.000đ ông Đ đã thảo và đánh máy 1 đơn đề nghị bảo mẹ ông ký vào đơn đề nghị nhưng không nói rõ cho mẹ ông biết nội dung trong đơn đề nghị là gì. Ông xác nhận đơn ghi ngày 25/2/2017 do mẹ ông có ký trong đơn nhưng toàn bộ nội dung trong đơn là do vợ chồng bà P, ông Đ tự thảo và đánh máy, mẹ ông không được biết. Phía vợ chồng bà P, ông Đ không nhất trí theo yêu cầu của ông C bởi vì số tiền vay của bà S 220.000.000đ ngày 25/02/2017 vợ chồng bà đã thanh toán xong trực tiếp cho bà S ở tại gia đình bà, bà S đã ký vào đơn, nội dung trong đơn đề nghị Tòa án rút đơn khởi kiện và xác nhận vợ chồng bà đã trả xong số tiền trên.

[3] *HĐXX nhận thấy*: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án vợ chồng bà P, ông Đ có xuất trình cho Tòa án 01 đơn đề nghị ghi ngày 25/02/2017, người làm đơn là bà S có ký tên, ngoài ra còn có chị Hợi là người làm chứng ký xác nhận vào đơn. Nội dung trong đơn: “Thứ nhất hủy giấy vay của chị P vay 3 lần tiền của bà S, tổng số là 220.000.000đ với lý do chị P đã trả xong; Thứ hai hủy bỏ giấy tạm thời phong tỏa tài sản; Thứ ba rút đơn khởi kiện chị P, anh Đ ghi ngày 06/12/2016 và giấy ủy quyền cho con trai là Nguyễn Văn C. Toàn bộ giấy khởi kiện và giấy ủy quyền không còn giá trị nữa”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2017 bà S có trình bày: Bà ủy quyền cho con bà là Nguyễn Văn C giải quyết vụ án, ngày tháng bà không nhớ. Ông Đ có gọi bà đến gia đình ông Đ, vợ chồng ông Đ đã đưa cho bà 50.000.000đ, ông Đ nói với bà là trả tiền gốc, bà chỉ biết nhận 50.000.000đ, bà không nói là tiền gốc hoặc tiền lãi. Sau khi ông Đ đưa tiền cho bà thì ông Đ đưa cho bà 2 tờ giấy trong đó có 01 tờ đã viết sẵn, còn 01 tờ chưa viết bảo bà ký. Bà có ký vào giấy nhưng bà không được xem nội dung trong giấy ông Đ viết gì vì bà không biết chữ và ông Đ cũng không nói gì với bà là trong giấy viết những gì. Cũng tại lời khai của chị Hợi ghi ngày 01/3/2018 chị Hợi cho biết: Ngày tháng chị không nhớ rõ khoảng cuối tháng 02/2017 chị đang bán hàng ăn ở cửa nhà bà P, ông Đ vào buổi trưa khoảng 11 giờ, bà P có bảo chị vào nhà ký vào 01 tờ giấy là công nhận cho vợ chồng bà P đã trả tiền cho bà S, bà P có đưa cho chị 01 tờ giấy, nội dung trong giấy chị không xem viết những gì, chị có ký vào giấy xong chị quay ra bán hàng ngay, khi đó có cả bà S ngồi ở nhà ông Đ. Đến 02 ngày sau ông Đ lại đưa cho chị 01 tờ giấy bảo chị ký vào giấy, cũng không bảo với chị là trong giấy viết gì. Nay vợ chồng bà P, ông Đ cho rằng chị là người làm chứng đã ký vào giấy tờ về việc thanh toán hết số tiền nợ với bà S là không đúng sự thật. Nếu vợ chồng bà P nói rõ với chị và cho chị xem giấy ngay từ ban đầu thì chị sẽ không ký. Tại lời khai ngày 19/3/2018 và tại phiên tòa, ông Đ trình bày: Ngày 25/02/2017 âm lịch trước khi trả cho bà S số tiền trên ông có điện thoại cho bà San là con dâu của bà S nên nhà ông đề chứng kiến việc ông trả tiền cho bà S và trước ngày trả tiền cho bà S ông có đến gia đình bà S gặp bà S để giữa ông và bà S đã có thỏa thuận với nhau như trong đơn ghi ngày 25/02/2017. Nhưng tại phiên tòa bà San cho biết: Buổi sáng ngày 25/02/2017 ông Đ có gọi điện cho bà nên để chứng kiến việc ông có trả tiền cho mẹ bà nhưng bà có hỏi ông Đ là “Trả cho bà S được bao nhiêu tiền”, ông Đ có nói lại “Trả được khoảng 50.000.000đ đến 60.000.000đ”, bà có trả lời với ông Đ” Nếu trả được hết tiền thì bà lên còn nếu trả được 50.000.000đ đến 60.000.000đ thì

bà không lên”. Tại phiên tòa bà S cho biết ông Đ không đến nhà bà để thỏa thuận như nội dung trong giấy ngày 25/02/2017, ngày 25/02/2017 ông Đ chỉ trả bà được 50.000.000đ. Khi bà nhận được số tiền trên bà đã về nói chuyện với các con bà và hàng xóm biết ngay hôm đó. Ngoài lời khai của những người làm chứng trên còn có lời khai của bà Bài, bà Lan, bà Nga, bà Dung, ông Dũng tổ trưởng tổ dân P1, thị trấn L đều xác nhận sau khi bà S đến nhà ông Đ, ông Đ trả cho bà S được số tiền 50.000.000đ, bà S về có nói chuyện với mọi người cùng P1 là “Hôm nay vợ chồng Đ đã trả tôi được 50.000.000đ”. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ngoài đơn đề nghị ngày 25/02/2017 có bà S ký do vợ chồng bà P, ông Đ xuất trình cho Tòa án vợ chồng bà P không xuất trình được chứng cứ, tài liệu gì khác cho Tòa án để chứng minh việc vợ chồng bà P, ông Đ đã thanh toán xong số tiền vay như trong các giấy vay tiền đã ký nhận với bà S. Hơn nữa đơn đề nghị do bà S ký trên là do trực tiếp vợ chồng bà P, ông Đ thảo đánh máy. Sau khi đưa cho bà S ký, vợ chồng bà P, ông Đ không nói rõ nội dung trong đơn và không đọc lại nội dung trong đơn cho bà S nên bà S không biết nội dung trong đơn vợ chồng ông Đ viết gì vì bà S không biết chữ, bà chỉ biết ký vào đơn cùng với người làm chứng là chị Hợi cũng đều cho biết chỉ biết ký vào đơn, không biết nội dung đơn vợ chồng ông Đ viết gì. Từ những lời khai của những người biết sự việc và trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ không đủ căn cứ khẳng định vợ chồng bà P, ông Đ đã thanh toán trả xong toàn bộ số tiền gốc 220.000.000đ cho bà S như trong đơn đề nghị ghi ngày 25/02/2017 mà xác nhận ngày 25/02/2017 vợ chồng bà P, ông Đ mới trả cho bà S được 50.000.000đ là có căn cứ. Mặc dù trong giấy vay tiền của bà S, bà P trực tiếp ký nhận, còn ông Đ không ký nhưng tại các biên bản ghi lời khai và các biên bản hòa giải tại UBND thị trấn L ông Đ đều xác nhận có trách nhiệm trả số tiền trên nên buộc ông Đ cùng có trách nhiệm thanh toán trả bà S số tiền trên.

[4] Xét thấy nguyên nhân phát sinh vụ kiện là do phía vợ chồng bà P, ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà S và xét thấy yêu cầu của bà S do ông C đại diện, yêu cầu vợ chồng bà P, ông Đ trả cho bà S tổng số tiền gốc 220.000.000đ nhưng được trừ vào số tiền 50.000.000đ mà vợ chồng bà P, ông Đ đã trả cho bà S ngày 25/02/2017, còn lại tiền gốc là 170.000.000đ yêu cầu vợ chồng bà P, ông Đ phải thanh toán trả cho bà S là phù hợp với quy định của pháp luật. Nay cần buộc vợ chồng bà P, ông Đ phải có trách nhiệm trả cho bà S tiền gốc còn lại là 170.000.000đ.

[5] Tại phiên tòa bà S, ông C đều không yêu cầu vợ chồng bà P, ông Đ thanh toán trả tiền lãi suất từ 01/01/2015 đến khi xét xử vụ án, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Ngày 15/9/2017 bà S đã có đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 18/9/2017 Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2017 phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ được quy định tại Điều 126 BLTTDS. Ngày 19/9/2017 ông C đại diện cho bà S có đơn đề nghị Tòa án hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa án đã ra quyết định hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với quyết định số 04/2017. Tại phiên tòa các đương sự không có ý kiến gì nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Vợ chồng bà P ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 477 BLDS năm 2005

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Xử:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị P, ông Hoàng Minh Đ phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị S tổng số tiền gốc 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,7^a,7b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

2/ *Án phí*: Vợ chồng bà Nguyễn Thị P, ông Hoàng Minh Đ phải chịu 8.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị S do ông C đại diện số tiền 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí do ông C đã nộp tại chi cục thi hành án huyện L theo biên lai thu số AA/2017/0002673 ngày 15/9/2017.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- TAND tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Toàn

